

Số: 250/CT-INC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2022

Về việc công bố thông tin Báo cáo
tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO
- Mã chứng khoán: INC
- Địa chỉ trụ sở: Số 100 Đường Nguyễn Gia Trí, P25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 0283 8995588 Fax: 0283 8995588
- Người thực hiện công bố thông tin: **Lại Văn Hoàn** - Chức vụ: Kế toán trưởng
- Loại công bố thông tin: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin:

+ Toàn văn Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

+ Nội dung giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022 biến động trên 10% so với 6 tháng đầu năm 2021.

- Thông tin trên được đăng tải tại Website: idico-incon.com.vn (mục quan hệ cổ đông)

Tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCKT, VPTH.

NGƯỜI UỶ QUYỀN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lại Văn Hoàn

CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpvietnam.vn
www.cpvietnam.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Số 100 Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn đầu tư IDICO theo Quyết định số 1423/QĐ-BXD ngày 13/10/2006 của Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2007 và thay đổi lần thứ 11 ngày 18/3/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 thay đổi lần thứ 11 ngày 18/3/2022 là 20.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO Investment Consultancy Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - INCON.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã INC.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Hiến	Chủ tịch (Thôi giữ chức từ ngày 21/4/2022)
Ông Hoàng Tuấn Anh	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2022)
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên
Ông Hà Huy Thanh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2022)

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Thùy Phương	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Trọng Thọ	Thành viên (Thôi giữ chức từ ngày 21/4/2022)
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên
Bà Trần Thị Ngọc Loan	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2022)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 01/01/2022)
Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc
Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 30/3/2022)
Ông Phạm Lâm Sơn	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Số 100 Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Ngọc Khánh
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Số: 128/2022/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư IDICO được lập ngày 10/8/2022, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		29.151.925.670	28.781.130.645
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.741.550.309	5.241.300.825
1. Tiền	111		2.741.550.309	2.741.300.825
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	2.500.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.690.849.104	7.597.343.892
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.407.539.298	8.346.332.112
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		253.000.000	253.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	574.699.064	542.401.038
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(1.544.389.258)	(1.544.389.258)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	14.713.741.031	15.922.334.790
1. Hàng tồn kho	141		14.713.741.031	15.922.334.790
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		5.785.226	20.151.138
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	5.785.226	20.151.138
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		7.195.625.047	7.387.879.229
II Tài sản cố định	220		7.110.700.805	7.276.136.805
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	4.718.078.805	4.879.952.805
- Nguyên giá	222		8.860.170.327	8.740.170.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.142.091.522)	(3.860.217.522)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	2.392.622.000	2.396.184.000
- Nguyên giá	228		4.865.783.400	4.865.783.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.473.161.400)	(2.469.599.400)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		84.924.242	111.742.424
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	84.924.242	111.742.424
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		36.347.550.717	36.169.009.874

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		9.191.804.889	10.230.350.357
I- Nợ ngắn hạn	310		9.191.804.889	10.230.350.357
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.465.059.727	2.057.717.919
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	4.625.231.532	2.350.338.633
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	575.366.027	989.438.613
4. Phải trả người lao động	314		1.044.626.000	1.203.352.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	311.208.587	1.790.285.176
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.170.313.016	1.839.218.016
II- Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		27.155.745.828	25.938.659.517
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	27.155.745.828	25.938.659.517
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		248.050.000	248.050.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	1.445.581.609
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.642.651.577
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.907.695.828	2.602.376.331
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		5.560.491.517	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		1.347.204.311	2.602.376.331
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		36.347.550.717	36.169.009.874

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập

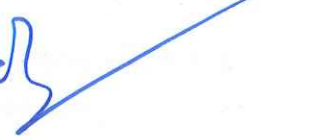
Kế toán trưởng

Giám đốc









Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	13.042.249.736	11.899.863.371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		13.042.249.736	11.899.863.371
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	8.701.414.639	7.693.695.328
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.340.835.097	4.206.168.043
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	44.087.688	12.752.902
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	2.680.842.396	2.699.098.424
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.704.080.389	1.519.822.521
11. Thu nhập khác	31		-	11.502.000
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.5	-	11.502.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.704.080.389	1.531.324.521
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	356.876.078	329.766.094
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.347.204.311	1.201.558.427
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	674	568

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Loan



Lại Văn Hoàn




Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
I. KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.704.080.389	1.531.324.521
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		285.436.000	279.336.000
- Các khoản dự phòng	03		-	237.610.340
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(44.087.688)	(12.752.902)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		1.945.428.701	2.035.517.959
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.093.505.212)	1.701.409.539
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.208.593.759	811.958.109
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		787.604.933	(2.282.841.245)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		41.184.094	(137.640.606)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(417.516.479)	(147.202.391)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(799.023.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.672.766.796	1.981.201.365
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
II. ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(120.000.000)	(48.500.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.087.688	12.752.902
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(75.912.312)	(35.747.098)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
III. TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.096.605.000)	(1.512.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.096.605.000)	(1.512.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		500.249.484	433.454.267
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	5.241.300.825	3.291.808.359
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	5.741.550.309	3.725.262.626

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn đầu tư IDICO theo Quyết định số 1423/QĐ-BXD ngày 13/10/2006 của Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2007 và thay đổi lần thứ 11 ngày 18/3/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 thay đổi lần thứ 11 ngày 18/3/2022 là 20.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO Investment Consultancy Joint Stock Company

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - INCON

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã INC.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 56 người (tại ngày 31/12/2021 là 57 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

- Tư vấn quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp;
- Tư vấn đấu thầu về xây lắp, cung cấp vật tư và mua sắm máy móc thiết bị;
- Lập và thẩm tra dự án đầu tư xây dựng, thẩm tra thiết kế, dự toán và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, nông nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế công trình kỹ thuật và đô thị;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng công trình;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình;
- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1.3 Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Thiết kế kết cấu công trình giao thông;
- Giám sát thi công công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện;
- Đánh giá tác động môi trường;
- Thiết kế kiến trúc công trình;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Thẩm tra an toàn giao thông đường bộ;
- Lập báo cáo đầu tư (nghiên cứu tiền khả thi và khả thi): giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật ;
- Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình dân dụng và giao thông;
- Xây dựng công trình dân dụng khác. Chi tiết:
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc các dự án thử nghiệm công nghệ mới hoặc thuộc các đề tài nghiên cứu khoa học, cải tạo, duy tu, trùng tu các công trình văn hóa và bảo tồn lịch sử;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là tư vấn, thiết kế, giám sát thi công công trình.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/6.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, và giá trị thương hiệu được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

TSCĐ vô hình là Phần mềm máy tính được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Thương hiệu được tính hao mòn trong thời gian 10 năm, kể từ năm 2007. Việc ghi nhận trên có khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại Số 100, Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có nguyên giá ban đầu là 2.389.054.000 đồng. Tài sản cố định là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 05 năm đến 08 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí sửa chữa văn phòng Công ty.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ thiết kế, tư vấn, giám sát thi công công trình.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát thi công công trình chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	90.372.573	13.696.018
Tiền gửi ngân hàng	2.651.177.736	2.727.604.807
Các khoản tương đương tiền (i)	3.000.000.000	2.500.000.000
Tổng	5.741.550.309	5.241.300.825

(i) Khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất từ 3% đến 3,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Tổng công ty IDICO - CTCP	2.215.899.596	2.176.310.911
Công ty TNHH Đầu Tư Quốc lộ 1 Tiền Giang	1.308.211.699	1.308.211.699
Công ty Cổ phần Đầu tư và du lịch Bình Tiên	3.192.979.804	1.313.311.900
Chi nhánh Tổng Cty IDICO - CTCP tại Miền Đông	-	60.000.000
Trường Đại học cảnh sát nhân dân	60.607.000	831.417.600
Phải thu đối tượng khác	2.629.841.199	2.657.080.002
Tổng	9.407.539.298	8.346.332.112
<i>Trong đó, Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>2.726.964.752</i>	<i>2.566.141.738</i>

5.3 Phải thu khác ngắn hạn

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Trình bày lại Dự phòng
Công ty Cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	102.331.466	102.331.466	102.331.466	102.331.466
Nguyễn Phi Hùng	97.921.415	97.921.415	97.921.415	97.921.415
Nguyễn Trúc Nghĩa	261.148.157	261.148.157	261.148.157	261.148.157
Tạm ứng	91.000.000	-	81.000.000	-
Phải thu tiền Bảo hiểm xã hội nộp thừa	22.298.026	-	-	-
Tổng	574.699.064	461.401.038	542.401.038	461.401.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.4 Nợ xấu

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	2.078.219.737	533.830.479	2.078.219.737	533.830.479

Trong đó:

	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên
Công ty TNHH Đầu tư QL1 Tiền Giang	-	1.308.211.699
Nguyễn Trúc Nghĩa	-	261.148.157
Nguyễn Phi Hùng	-	97.921.415
Đinh Thị Liên	-	220.000.000
Công ty Cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	-	102.331.466
Các khách hàng khác	-	88.607.000

5.5 Hàng tồn kho

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	46.194.116	-	26.265.816	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	14.667.546.915	-	15.896.068.974	-
Tổng	14.713.741.031	-	15.922.334.790	-

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí của các hợp đồng tư vấn (khảo sát, giám sát lập dự án đầu tư, thiết kế, lập kế hoạch) đang thực hiện và đang chờ quyết toán từ chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	4.927.824.662	516.632.868	2.953.892.336	341.820.461	8.740.170.327
Tăng trong kỳ	-	120.000.000	-	-	120.000.000
Mua mới	-	120.000.000	-	-	120.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	4.927.824.662	636.632.868	2.953.892.336	341.820.461	8.860.170.327
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.133.394.972	516.632.868	1.937.661.039	272.528.643	3.860.217.522
Tăng trong kỳ	98.556.000	-	158.088.000	25.230.000	281.874.000
Khấu hao	98.556.000	-	158.088.000	25.230.000	281.874.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	1.231.950.972	516.632.868	2.095.749.039	297.758.643	4.142.091.522
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	3.794.429.690	-	1.016.231.297	69.291.818	4.879.952.805
Tại ngày 30/6/2022	3.695.873.690	120.000.000	858.143.297	44.061.818	4.718.078.805

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2022 với giá trị là 940.216.097 VND (tại ngày 31/12/2021 là: 940.216.097 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2022 là 3.695.873.690 VND (tại ngày 31/12/2021 là 3.794.429.690 VND). Tại ngày 30/6/2022, Công ty không có số dư vay phải trả, tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh vẫn giữ hồ sơ tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho dịch vụ phát hành chứng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc đảm bảo cho các khoản vay phát sinh trong tương lai theo hợp đồng hạn mức số 01/2021/95378/HĐTĐ ngày 13/10/2021, có thời hạn 01 năm từ ngày 13/10/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2022	2.389.054.000	476.729.400	2.000.000.000	4.865.783.400
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	2.389.054.000	476.729.400	2.000.000.000	4.865.783.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2022	-	469.599.400	2.000.000.000	2.469.599.400
Tăng trong kỳ	-	3.562.000	-	3.562.000
Khấu hao	-	3.562.000	-	3.562.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	-	473.161.400	2.000.000.000	2.473.161.400
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	2.389.054.000	7.130.000	-	2.396.184.000
Tại ngày 30/6/2022	2.389.054.000	3.568.000	-	2.392.622.000

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2022 là 2.389.054.000 VND (tại ngày 31/12/2021 là 2.389.054.000 VND). Tại ngày 30/6/2022, Công ty không có số dư vay phải trả, tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh vẫn giữ hồ sơ tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho dịch vụ phát hành chứng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc đảm bảo cho các khoản vay phát sinh trong tương lai theo hợp đồng hạn mức số 01/2021/95378/HĐTD ngày 13/10/2021, có thời hạn 01 năm từ ngày 13/10/2021.

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	5.785.226	20.151.138
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.785.226	20.151.138
Dài hạn	84.924.242	111.742.424
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	84.924.242	111.742.424
Tổng	90.709.468	131.893.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần thiết kế và Xây dựng Rạng Đông	601.072.727	601.072.727	573.240.909	573.240.909
Công ty TNHH Kiến trúc ORI	-	-	426.818.182	426.818.182
Cty TNHH MTV tư vấn thiết kế đầu tư XD Gia Phát	216.150.000	216.150.000	504.350.000	504.350.000
Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2	251.250.000	251.250.000	251.250.000	251.250.000
Công ty Cổ phần tổng hợp Xây dựng Tuấn Phát	265.908.000	265.908.000	177.272.728	177.272.728
Các đối tượng khác	130.679.000	130.679.000	124.786.100	124.786.100
Tổng	1.465.059.727	1.465.059.727	2.057.717.919	2.057.717.919

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tổng công ty IDICO -CTCP	1.971.843.533	875.136.533
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Trung Nam	662.500.000	-
Công ty cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An	552.000.000	552.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư và du lịch Bình Tiên	-	272.420.000
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	301.650.000	-
Công ty cổ phần đầu tư KCN Hoàng Thành Du Long	529.200.000	-
Công ty cổ phần KCN Thành Thành Công	59.808.000	192.720.000
Các đối tượng khác	548.229.999	458.062.100
Tổng	4.625.231.532	2.350.338.633
<i>Trong đó, Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 7.2)</i>	<i>2.821.723.532</i>	<i>1.164.310.533</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	Tại ngày 01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30/6/2022
Thuế giá trị gia tăng	669.131.402	594.338.004	951.966.191	311.503.215
Thuế thu nhập doanh nghiệp	254.323.511	356.876.080	417.516.479	193.683.112
Thuế thu nhập cá nhân	65.983.700	189.978.400	185.782.400	70.179.700
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng	989.438.613	1.144.192.484	1.558.265.070	575.366.027

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	39.422.000	75.433.000
Bảo hiểm xã hội	-	7.957.189
Bảo hiểm y tế	-	467.000
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.393.000
Cổ tức phải trả	102.687.087	1.199.292.087
Phải trả nhân viên về chi phí dự án	169.099.500	505.742.900
Tổng	311.208.587	1.790.285.176
<i>Trong đó, Phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 7.2)</i>	-	1.087.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Số 100 Nguyễn Gia Trí, phường 25,
quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	1.642.651.577	2.252.387.611	25.588.670.797
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.602.376.331	2.602.376.331
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.602.376.331	2.602.376.331
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.252.387.611	2.252.387.611
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	452.387.611	452.387.611
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2021	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	1.642.651.577	2.602.376.331	25.938.659.517
Số dư tại ngày 01/01/2022	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	1.642.651.577	2.602.376.331	25.938.659.517
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	4.435.437.497	4.435.437.497
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	1.347.204.311	1.347.204.311
Tăng từ vốn khác của chủ sở hữu (i)	-	-	-	-	1.445.581.609	1.445.581.609
Tặng Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	-	1.642.651.577	1.642.651.577
Giảm trong kỳ	-	-	1.445.581.609	1.642.651.577	130.118.000	3.088.233.186
Chuyển vốn khác sang LNST (i)	-	-	1.445.581.609	-	-	1.445.581.609
Chuyển Quỹ đầu tư phát triển sang LNST (i)	-	-	-	1.642.651.577	-	1.642.651.577
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	130.118.000	130.118.000
Số dư tại ngày 30/6/2022	20.000.000.000	248.050.000	-	-	6.907.695.828	27.155.745.828

(i) Công ty thực hiện chuyển vốn khác của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-CT ngày 21/4/2022 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2021: 130.118.000 VND.

- Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khác: 3.088.233.186 VND.

- Chia cổ tức 15% trên vốn điều lệ với giá trị 3.000.000.000 VND. Tuy nhiên Công ty chưa có thông báo chính thức về việc chi trả trả Cổ tức của năm 2021. Theo đó, Công ty chưa ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với giá trị tương ứng là: 3.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Đối tượng	Tại ngày 30/6/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá
Tổng công ty IDICO - CTCP (i)	70,40%	1.408.000	14.080.000.000	70,40%	1.408.000	14.080.000.000
Ông Nguyễn Trọng Thọ	5,06%	101.200	1.012.000.000	5,06%	101.200	1.012.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	24,54%	490.800	4.908.000.000	24,54%	490.800	4.908.000.000
Tổng	100%	2.000.000	20.000.000.000	100%	2.000.000	20.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	20.000.000.000	20.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	1.642.651.577
Tổng	-	1.642.651.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.14 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Nợ phải thu khó đòi đã xử lý		
BQL DA ĐTXD công trình DD & CN tỉnh Hậu Giang	158.617.000	158.617.000
Tổng công ty Tư vấn thiết kế Dầu Khí	219.365.100	219.365.100
Công ty CP ĐTXD và Du lịch IDICO	213.052.000	213.052.000
Viện Thiết kế Trường học	5.234.000	5.234.000
Tổng	596.268.100	596.268.100

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.042.249.736	11.899.863.371
Tổng	13.042.249.736	11.899.863.371
<i>Trong đó, doanh thu đối với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>4.962.567.295</i>	<i>7.340.389.554</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.701.414.639	7.693.695.328
Tổng	8.701.414.639	7.693.695.328

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi	44.087.688	12.752.902
Tổng	44.087.688	12.752.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.755.672.000	1.593.057.000
Chi phí vật liệu quản lý	41.184.094	23.471.818
Chi phí khấu hao TSCĐ	285.436.000	279.336.000
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	-	237.610.340
Chi phí bằng tiền khác	595.550.302	562.623.266
Tổng	2.680.842.396	2.699.098.424

6.5 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Các khoản khác	-	11.502.000
Tổng	-	11.502.000
<i>Chi phí khác</i>		
Tổng	-	-
Lợi nhuận khác	-	11.502.000

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.704.080.389	1.531.324.521
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>80.300.000</i>	<i>117.505.950</i>
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành</i>	<i>80.300.000</i>	<i>27.000.000</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>-</i>	<i>90.505.950</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	1.784.380.389	1.648.830.471
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	356.876.078	329.766.094
Chi phí thuế TNDN hiện hành	356.876.078	329.766.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND Trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.347.204.311	1.201.558.427
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành	-	(65.059.408)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.347.204.311	1.136.499.019
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	674	568

i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ước tính một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

Trình bày lại Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số Nghị quyết số 01/NQ-CT ngày 21/4/2022 của Công ty. Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 với tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền 130.118.817 VND. Công ty đã xác định giá trị sẽ được giảm trừ vào lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2021. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2021 tăng từ 541 VND lên 568 VND và được trình bày lại như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021		
	Số đã báo cáo (VND)	Số trình bày lại (VND)	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.201.558.427	1.201.558.427	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng ban điều hành (ii)	(120.155.843)	(65.059.408)	55.096.434
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.081.402.584	1.136.499.019	55.096.434
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	541	568	28

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.826.394	312.887.418
Chi phí nhân công	6.444.458.000	5.662.745.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	285.436.000	279.336.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.553.013.800	2.576.337.419
Chi phí khác bằng tiền	762.800.782	803.233.606
Tổng	10.162.534.976	9.634.539.443

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Đơn vị cùng IDICO	IDICO
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - MCI
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - UDICO
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - CONAC
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCO 10
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCON
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - URBIZ
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - SHP
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - IDI
Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - ICC
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và KCN Quê Võ IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - QUE VO
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - TCC
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Đơn vị cùng IDICO	LAMA IDICO
Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh thuộc IDICO	IDICO - IEB
Ông Hoàng Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	
Ông Hoàng Văn Hiến	Nguyên Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	
Ông Hà Huy Thanh	Thành viên HĐQT	
Bà Nguyễn Thị Phương Dung	Phụ trách quản trị	
Bà Vũ Thị Thùy Phương	Trưởng BKS	
Bà Trần Thị Ngọc Loan	Thành viên BKS	
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên BKS	
Ông Nguyễn Trọng Thọ	Nguyên Thành viên BKS	
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc	
Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc	
Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc	
Ông Phạm Lâm Sơn	Phó Giám đốc	
Ông Lại Văn Hoàn	Kế toán trưởng - Người được ủy quyền công bố thông tin	

Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan nêu trên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**a. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc****Thù lao Hội đồng Quản trị**

Bên liên quan	Chức vụ	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Ông Hoàng Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	28.111.000	3.000.000
Ông Hoàng Văn Hiến	Nguyên Chủ tịch HĐQT	31.111.000	31.111.000
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	15.000.000	13.000.000
Ông Hà Huy Thanh	Thành viên HĐQT	3.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Tiến	Nguyên thành viên HĐQT độc lập	-	10.000.000
Ông Phan Công Nhân	Nguyên thành viên HĐQT	-	10.000.000
Ông Mai Đức Chinh	Nguyên thành viên HĐQT	-	10.000.000
Tổng		77.222.000	77.111.000

Thù lao Ban kiểm soát

Bên liên quan	Chức vụ	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Bà Vũ Thị Thùy Phương	Trưởng BKS	15.000.000	13.000.000
Ông Nguyễn Trọng Thọ	Nguyên thành viên BKS	8.000.000	7.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Loan	Thành viên BKS	2.000.000	-
Bà Phan Thị Thanh Tâm	Nguyên thành viên BKS	-	5.000.000
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên BKS	10.000.000	2.000.000
Tổng		35.000.000	27.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc, Người phụ trách quản trị, Người công bố thông tin

Bên liên quan	Chức vụ	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc	299.036.000	303.810.000
Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc	258.607.000	266.172.000
Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc	265.987.000	270.846.000
Ông Phạm Lâm Sơn	Phó Giám đốc	254.573.000	256.050.000
Bà Nguyễn Thị Phương Dung	Phụ trách quản trị	153.123.000	164.422.000
Ông Lại Văn Hoàn	Kế toán trưởng - Người công bố thông tin	151.721.000	159.313.000
Tổng		1.383.047.000	1.420.613.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND</u>
<u>Giao dịch bán</u>		
IDICO - URBIZ	1.398.413.559	4.271.481.818
IDICO	3.564.153.736	2.691.032.281
IDICO - IEB	-	54.545.455
IDICO - UDICO	-	323.330.000
Tổng	4.962.567.295	7.340.389.554

c. Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>30/6/2022 VND</u>	<u>01/01/2022 VND Trình bày lại</u>
<u>Số dư phải thu khách hàng</u>		
IDICO - IDI	167.545.427	167.545.427
IDICO - QUE VO	162.285.400	162.285.400
IDICO	2.215.899.596	2.176.310.911
IDICO - IEB	-	60.000.000
IDICO - URBIZ	181.234.329	-
Tổng	2.726.964.752	2.566.141.738
<u>Người mua trả tiền trước</u>		
IDICO - IDI	301.650.000	-
IDICO - QUE VO	158.449.000	158.449.000
IDICO	1.971.843.533	875.136.533
IDICO - URBIZ	389.780.999	130.725.000
Tổng	2.821.723.532	1.164.310.533
<u>Phải trả khác</u>		
IDICO	-	1.087.200.000
Tổng	-	1.087.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

